

DẤU ẤN VĂN HOÁ TRONG NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT THƠ HOÀNG CẦM

HOÀNG THỊ HUẾ^{1,*}, TRẦN THỊ NGÂN THUY²,
NGUYỄN PHƯỚC MINH NHẬT^{3,**}

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

²Học viên Cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

³Sinh viên, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

*Email: hoangthihue@dhsphue.edu.vn

**Email: npmnhat@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu này tập trung làm rõ các đặc trưng văn hoá, nghệ thuật lưu giữ trong ngôn ngữ thơ Hoàng Cầm. Bằng phương pháp khảo cứu, phân tích văn bản, nghiên cứu chỉ rõ ngôn ngữ là chất liệu, đối tượng sáng tạo nghệ thuật của Hoàng Cầm. Với ông, ngôn ngữ không chỉ tồn tại như một mã văn hoá, là phương tiện, hình thức để biểu đạt những giá trị, mà còn được sáng tạo mới lạ, độc đáo, chứa những trường liên tưởng bất ngờ, thú vị, vượt qua lớp ngữ nghĩa thông thường của câu chữ để biểu đạt nhiều tầng/ lớp nghĩa mới.

Từ khoá: Ngôn ngữ, văn hoá, huyền thoại, thơ Hoàng Cầm, lạ hoá.

1. MỞ ĐẦU

Trên hành trình tìm đến văn chương và thi ca, Hoàng Cầm xem đó không chỉ là cái *duyên*, mà còn là *thiên mệnh*. Quả thật như vậy, hồn thơ Hoàng Cầm là sự say đắm khôn nguôi với cuộc đời, con người và thi ca. Hơn 50 năm, từ khi cầm bút cho đến lúc chính thức “trở về” với con sông Đuống, Hoàng Cầm đã có một gia tài thơ khá đồ sộ. Hoàng Cầm là nhà thơ hiện đại nổi tiếng với phong cách thơ rất riêng biệt, độc đáo, thi pháp thơ mới lạ. Ông xây dựng mã ngôn ngữ giàu hình ảnh, biểu tượng, giàu tính nhạc, được “lạ hoá”. Ngôn ngữ thơ ông có đóng góp quan trọng trong đổi mới nghệ thuật thơ Việt Nam hiện đại. Thế giới nội tâm của con người vốn sâu thẳm, lại mong manh, mơ hồ. Nên, Hoàng Cầm, trong “cuộc trở về quá khứ” bằng tưởng tượng, chìm sâu vào bản thể tâm hồn, để thấu hiểu và thể hiện được thế giới ấy, đã sáng tạo hệ thống ngôn ngữ mới, lạ, độc đáo, qua những liên tưởng bất ngờ, thú vị, vượt qua lớp ngữ nghĩa thông thường của câu chữ để biểu đạt nhiều tầng/ lớp nghĩa mới.

2. NỘI DUNG

2.1. Ngôn ngữ mang màu sắc văn hoá, huyền thoại

Trong thơ Hoàng Cầm, vùng quê Kinh Bắc hiện lên có vẻ cũng như những nông thôn khác của Việt Nam, với những hội hè, chùa chiền, với đồng chiêm, cuống rạ, dây bìm bìm..., nhưng thực tế, đây là vùng quê Kinh Bắc được sáng tạo lại mang màu sắc bất tử trong tâm tưởng Hoàng Cầm. Nó là tâm cảnh của thi nhân, nằm trong không gian của sự vĩnh cửu và nằm ngoài sự chảy trôi của thời gian vật lý.

Những bức tâm cảnh thuở ấu thơ, những sinh hoạt hội hè xứ Kinh Bắc, những con người đời thường mang màu sắc huyền thoại, cả động vật, cây cỏ... đều được tác giả miêu tả qua một hệ thống ngôn ngữ giàu hình ảnh biểu tượng mang nhiều tầng bậc ý nghĩa như: nắng (nắng phù sa, nắng hiện hình, nắng vãn bên sông, chuồn chuồn khiêng nắng, nắng lươn còn xanh, nắng ấu thơ, lộng nắng tàn xuân...), mưa (mưa ái phi, mưa e ấp, mưa loi, tóc mưa nghiêng đầu, mưa khép nép, gặm cỏ mưa phùn, cung vua mưa chơi...), trăng (lòe lòa thân trăng, vết bóng trăng thừa, góc tuần trăng, trăng lên chém đầu ngọn gió...), cỏ (cỏ Bồng thi, cỏ thiên đồng, cỏ úa, cỏ ba tầng, cỏ đấng...), lá (lá Diêu bông, lá hiện hình, lá lan đao, lá bẽ bàng, lá nguyên, lá chìm...). Ngay cả hình ảnh chiếc Yếm - một loại trang phục của phụ nữ nông thôn xưa, khi vào thơ Hoàng Cầm đã mang vẻ đẹp văn hóa, như những nhịp cầu nối giữa cõi Đời và cõi Đạo, cho sự thăng hoa của cái đẹp: "*Chùa Phật Tích duỗi trong màn lụa bạch/ Tượng Quan Âm má ửng bồ quân/ Chuông chùa cỏi yếm/ Chuông sớm đội khăn*" (Đêm Thủy – Hoàng Cầm); "*Ngát ngư ơ kia Anh vỗ nhịp/ bay cò triệu yếm riu rít ca/ ngũ sắc chen nhau câu lễ hội/ (...) thả búp căng tròn nuốt ấy ơi/ (...) Nguồn sống tuôn thơm nhựa ứ đầy/ đã phanh yếm mỏng thì quăng hét/ những nếp xiêm hờ giả bộ ngậy*" (Hội yếm bay). Có thể thấy, các chuẩn mực đạo đức biểu hiện trong văn học đương đại Việt Nam, cũng chịu tác động và mang dấu ấn văn hoá của mỗi thời kỳ, thể hiện sự chấp nhận một trật tự chuẩn mực mới: "the Vietnamese contemporary poets' ethical consciousness represented an acceptance of an ethical standard order "Ethical consciousness requires human beings to write down ethical experience and share it with others" [10; tr.60]. Nhà thơ Hoàng Cầm đã đóng góp trong việc xây dựng hệ thống ngôn ngữ mang màu sắc huyền thoại, văn hoá, dung chứa các giá trị *chuẩn* và *lệch chuẩn* mang màu sắc thời đại sản sinh ra nó.

Đêm trong thơ Hoàng Cầm mang nét nghĩa biến dị khác thường, trong chuỗi thời gian hư ảo và không gian hiu quạnh của thế giới nghệ thuật thơ. *Đêm* phủ bóng lung linh huyền ảo xuống thi phẩm. *Đêm* khơi gợi sự huyền bí linh thiêng và dự báo nhiều điều bất ổn về số phận con người như: *Đêm tiền sử, đêm vàng Kinh Bắc, đêm hồ tinh, đêm đồng lõa, đêm tàn kỷ nữ, đêm nguyệt tận, đuối đêm đông, rượu đêm buồn...* Sáng tạo từ đồng nghĩa với kiến tạo hiện thực mới. Nên, *đêm* là những huyền tượng về sự tương sinh tương khắc của tự nhiên tạo nên vũ trụ: *Đêm Thủy, Đêm Thổ, Đêm Kim, Đêm Mộc, Đêm Hỏa*. *Đêm* là vũ trụ thời khởi thủy, nên *đêm* đồng nghĩa với vô thức, là bà đỡ, đồng lõa của sáng tạo, của giấc mơ... Vì thế, *đêm* là biểu tượng thâm mỹ đa nghĩa về thế giới, về những thế giới bí ẩn, mơ hồ của tâm linh.

Thơ Hoàng Cầm cũng thấm đẫm mưa. *Mưa* là một phiếm thể, dễ thay hình đổi dạng nên hiện thực về mưa hiện ra với trăm nghìn dáng vẻ, sắc màu: *mưa long lanh ánh mắt, mưa trong tóc xõa, mưa trên vai trần Ý Lan, mưa chiều nắng chéch, mưa trắng ngang đầu, mưa xuân, lun phun mưa...* Mưa giăng kín trời Kinh Bắc và phủ kín lòng người, mưa thấm đẫm cả giấc mơ: "*Mặt đường mưa lạnh rêu trơn/ Mặt trăng héo úa chập chờn mặt sông*" (Kỷ niệm – Hoàng Cầm); "*Áp môi bông cỏi mưa dài/ Khát thêm từng trận/ khát hoài tuổi xưa*" (Gọi đôi – Hoàng Cầm). Không chỉ tồn tại trong nỗi niềm, tâm trạng, *Mưa* được sáng tạo có khi thành nhân vật biết đứng, biết ngồi, đi lại và mang tâm trạng, có hình hài cụ thể: "*Nhớ mưa Thuận Thành/ Long lanh mắt ướt/ Là mưa ái phi/ Tơ tầm óng chuột/ (...)*

*Mưa chạm ngõ ngoài/ Chùm cau tóc xoắn/ Miệng cười kẻ lá/ Mưa nhòa gương soi/(...)
Mưa còn khép nép/ Nhẹ rung tơ đàn/(...) Ở đêm đợi chờ/ Mưa ngời cổng vắng/ Mưa nằm
lặng lặng/(...). Sồi non yếm tơ/ Thuận Thành đang mưa...”* (Mưa Thuận Thành – Hoàng Cầm). Có thể nói, sáng tạo ngôn ngữ biểu đạt về mưa trong thơ Hoàng Cầm đã tạo nên thế giới màu sắc siêu thực đậm nét. *Mưa Thuận Thành*, mưa Kinh Bắc mà đúng hơn là mưa trong lòng người, mưa trong tâm trạng chứa đựng nhiều cung bậc tình cảm, đầy ắp huyền thoại và bàng lảng lạn điệu dân ca Quan họ. Những cơn mưa trong thơ Hoàng Cầm thường đảm trách hai chức năng thẩm mỹ. Trước hết, tạo nên *màu huyền thoại*. Sau nữa, tạo nên *chiều sâu trữ tình*. Phủ lên thế giới Thuận Thành, Kinh Bắc là những cơn mưa huyền sử. Hoàng Cầm làm sống lại những nét son xưa Kinh Bắc, thổi vào trong ấy những môi u tình, những khao khát thâm kín: *"Mắt ứa nắng đừng lẻ loi rạn vỡ/ Về mắt anh thành chan chứa mưa rơi"* (Nhiều chớp mắt vô tình – Hoàng Cầm).

Nét đặc trưng của ngôn ngữ thơ Hoàng Cầm là lớp ngôn ngữ sắp đặt một cách ngẫu nhiên, không chú ý, hoặc ít thấy sự liên lạc với nhau mang màu sắc hậu hiện đại. Vì thế, với thơ ông, người đọc thường cảm nhận bằng sự tương đồng cảm xúc, nhiều hơn là hiểu. Sự tương minh các lớp nghĩa đan bện, quấn luyến vào nhau là điều không dễ dàng. Sự đan bện nghĩa đôi khi ở những hình ảnh mới mẻ: *"Ta con bê vàng lạc dáng chiều xanh/ Đi tìm mãi sim chẳng chín"* (Về với ta – Hoàng Cầm), có khi đó là những khoảng trắng mênh mông giữa các dòng chữ, câu, từ của bài thơ. Các câu thơ ngắt xuống dòng đột ngột, xé câu, hay leo thang chữ đã để mở ra nhiều khoảng trắng hơn: *"Lắc đầu hoa tìm rụng/ ngó rừng xanh Em hỏi ngọn nguồn/ Biết rồi/ Thôi/ nghe hoa tím hát..."* (Cỏ Bồng thi – Hoàng Cầm). Đó là khoảng mông lung của các giấc mơ - như những cuộn băng ghi hình bị ý thức xóa đi chỉ còn lỗ chỗ những hình ảnh. Đó còn là khoảng trắng sâu thẳm của vô ngôn, của im lặng. Im lặng của suy nghiệm, im lặng của lời nói bị hãm đà đột ngột, và im lặng của... đối thoại câm: *"Em mười hai tuổi tìm theo Chị/ Qua cầu bà Sấm bên cô Mưa/ Đi..."* (Quả vườn ổi – Hoàng Cầm); *"Hai ngày Em tìm thấy lá/ Chị chau mày/ Đâu phải Lá Diêu Bông... Chị ba con / Em tìm thấy Lá/ Xòe tay phủ mặt Chị không nhìn/ Từ thuở ấy/ Em cầm chiếc lá/ đi đầu non cuối bể/ Gió quê vì vút gọi/ Diêu bông hời.../ ...ở Diêu bông"* (Lá Diêu bông – Hoàng Cầm). Sự im lặng không lời đáp giữa cái mênh mông đất trời kia lại tạo nên âm vang của chính nó, từ sự liên tưởng, theo sự tương tự giữa hai sự vật được tác giả sử dụng theo cách nhìn riêng của mình. Vì thế, người đọc thường thấy ngỡ ngàng: *"Có nét buồn khô nguyên/ Chìm sâu vào đặng đặng/ Có tiếng ca ưu phiền/ Chìm sâu vào lặng lặng..."* bởi những miên man của nỗi buồn và cảm xúc. Những từ ngữ không ngờ có thể đặt cạnh nhau, những hình ảnh không ngờ có thể tiếp nối nhau để xuất hiện thi tứ nhờ vào trường liên tưởng xuất hiện: *"Và dai dẳng em ơi/ Là cơn say khát lá/ Cú thon mềm xanh lá/ Trong men quê bồi hồi..."* (Nhớ Lá – Hoàng Cầm). Nhờ vào trường liên tưởng kì lạ, thi nhân đã gọi về những cảm xúc đang lang thang, đã xâu chuỗi những hình ảnh không ngờ có thể đặt cạnh nhau, đã nảy ra những từ ngữ, nhạc điệu không ngờ trong thơ. Không có khả năng liên tưởng, thì những bài thơ tuyệt vời của ông: *Cây tam cúc, lá Diêu bông, Cỏ Bồng Thi, Chùa Hương...* sẽ chỉ là những câu chuyện rời rạc, người đọc không thể cảm được tâm trạng ẩn sau câu từ. Điều đáng nói ở bài thơ "Nhịp một": *Khán nguyện* và bài "Nhịp năm": *Còn Em* của tập thơ "Về Kinh Bắc", tác giả đã sử dụng cách liên

tưởng bằng cách trở về giai đoạn liên kết tự do các ý tưởng, giai đoạn chuyên sử dụng biểu tượng chỉ có ở người nguyên thủy, hoặc trẻ em: lối tư duy tiền logic hay logic khác.

Ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu tính tượng trưng trong thơ Hoàng gợi những liên tưởng đặc biệt, tạo nên sợi dây liên kết giữa những sự vật cụ thể với những thế giới siêu nghiệm: “*Ta con phù du ao trời chật chội Đứng cánh bèo đo gió lặng tìm sao*” (Về với ta – Hoàng Cầm), “*Ông phó may già mười đêm chẳng ngủ Rú xô gai biển động tìm kim*” (Đêm kim - Hoàng Cầm).

Cùng với liên kết vần, âm, thanh, từ, câu, có thể nói, liên tưởng là chất liệu liên kết ý trong thơ Hoàng Cầm. Bằng những thủ pháp nghệ thuật như so sánh, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, độc đáo, gợi cảm giác của con người những mảnh vỡ trong đời sống tâm hồn, trong số phận từng con người, Hoàng Cầm tái hiện những dự cảm mong manh, những khoảnh khắc của cái đẹp lên thiếu hụt phận người: “*Phấn mùa trắng xoa mờ sẹo tuổi*” (Tắm đêm - Hoàng Cầm). Hoàng Cầm, ở một số thi phẩm nổi tiếng như *Cây Tam cúc*, *Quả vườn ổi*, *Cỏ Bông thi*, *Nước sông Thương*... đều là những điển hình thực tế, nó vừa mang dáng dấp ngôn ngữ thơ của các biểu tượng văn hóa phương Đông vừa mang tính hàm súc, lửng lơ, nương theo khơi gợi của trường phái thơ siêu thực nhưng mà vẫn không bị gò bó, áp đặt, tạo nên biểu tượng nghệ thuật mới. Ông luôn ý thức mượn những hình tượng cũ, có sẵn rồi khoác lên nó một tấm áo ngôn ngữ mới chứa đựng nhiều cách hiểu mới mẻ nhưng mang đậm đặc trưng của văn hóa Việt như: *Gió lông ngỗng*, *Trai thời Trần*, *Gái hậu Lê*, *Thi sơi bún*, *Nước sông Thương*, *Hội Vật*, *Hội Gióng*... Nhà thơ còn sáng tạo ra những sự vật đặc biệt thông qua trí tưởng tượng, bởi kinh nghiệm vô thức, tiềm thức của nhà thơ như: Lá Diêu bông, quả vườn ổi, cỏ Bông thi, cầu bà Sấm, bến cô Mưa, miếu Hai Cô... Sự kết hợp từ ngữ bất ngờ, bạo dạn và đầy tính sáng tạo của nhà thơ đã tạo nên những ngôn ngữ thơ mang biểu tượng lạ lẫm, đưa ra những trường liên tưởng mới mẻ.

Trong thơ Hoàng Cầm, người đọc cũng có thể bắt gặp những hình ảnh đậm chất văn hoá, huyền thoại. Với ngòi bút tài hoa, những chất liệu của ngôn ngữ truyền thống được khoác lên một lớp áo huyền thoại mang màu sắc thời khai sơn lập địa, thuở hồng hoang. Câu thơ của Hoàng Cầm vì vậy chứa đựng nhiều tầng, nhiều lớp ý nghĩa. Nó còn có khả năng mở ra vô vàn những suy tư qua các lớp nghĩa gợi mở, như một “tảng băng trôi”.

2.2. Lạ hoá ngôn ngữ

“Lạ hóa” trong thơ xuất phát từ quan niệm của các nhà phê bình hình thức Nga: “Lạ hóa là một cách phản ứng lại áp lực của thói quen. Bằng cách rút đối tượng ra khỏi bối cảnh quen thuộc của nó, bằng cách đặt cạnh nhau những khái niệm khác hẳn nhau, nhà văn xóa bỏ những sáo ngữ và hiệu ứng nhàm cũ để giúp người đọc nhận thức sâu sắc về sự vật và cơ chế cảm giác của nó... Lạ hóa kháng cự lại không chỉ sự tự động hóa của nhận thức con người về đời thực mà cả sự tự động hóa của ngôn từ và thủ pháp trong văn học” [11] Soi chiếu vào thế giới nghệ thuật thơ ca Hoàng Cầm, có thể thấy sự “lạ hóa” ở ngôn từ, lạ hóa trong cấu trúc câu và ý thơ. Ngôn ngữ trong thơ ông không chỉ khác biệt ngôn ngữ thông thường mà nó còn có khả năng tạo sinh.

Hoàng Cầm sáng tác từ những rung cảm, những hoài niệm hay từ những ám ảnh đau buồn, thất vọng nào đó. Ông nói: “Ồ những trường hợp đó, tôi không hề cấu tứ, nghĩ ngợi gì về câu chữ, không theo một luật lệ nào gọi là thi pháp hoặc tu từ, hoặc chịu sự ràng buộc nào của phép tắc thanh điệu, ngữ điệu gì hết... Tôi chỉ tuân theo nhịp rung động của toàn thân, cả hồn và thể chất, khí chất” [1]. Do vậy, thơ ông luôn có sự lạ hóa trong hệ thống ngôn từ, đặc biệt trong cách biểu thị các hình ảnh được nói đến: “*Giếng ngọc ẽnh ương quát đêm tiền sử/ I...i...m.../ừ...!/I...i... ...m/ừ...!*” (Gió lông ngỗng – Hoàng Cầm); “*Thấy phẫm Huệ xanh xang năm sắc áo/ Biết lòng chim sáo chim ri*” (Sương câu Lim); hay với những hình ảnh mang tính biểu tượng được hình thành bởi trí tưởng tượng, bởi kinh nghiệm vô thức, tiềm thức của nhà thơ như *lá diêu bông, cỏ bông thi, cầu bà Sấm, bến cô Mưa...* cũng được coi là lạ, là của riêng Hoàng Cầm trong thơ Việt Nam hiện đại.

Thơ Hoàng Cầm có một hệ lời đầy tính sáng tạo, độc đáo mới lạ vô cùng. Nhà thơ đã rất tinh ý trong việc sử dụng động từ. Thơ đương đại các nhà thơ mới đều có chủ tâm sáng tạo bằng động từ, như Huy Cận: “*Sóng rủ nhau đi bát ngát người/ ...Sóng đã cài the, đêm sập cửa/ ...Đêm thở, sao lùa nước Hạ Long*”. Đối với Hoàng Cầm, mỗi động từ làm nên cái hồn của câu thơ, bài thơ, từ đó hướng đến những trường nghĩa khác rộng hơn cái mà nó vốn có, nhằm tạo nên một nét nghĩa mới với sự lạ hóa trong lối tư duy để mang một ý nghĩa tượng trưng khác: “*Thân cau cụt vẩy đuôi mèo trắng mốt/ Chuồn chuồn khiêng nắng sang sông*” (Đêm Thổ – Hoàng Cầm), “*Gió mát chồi xuân đay nghiêng lũy tre làng*” (Đêm Mộc – Hoàng Cầm). Đó còn là những động từ biểu cảm thể giới tâm trạng, cảm quan của nhà thơ về tình yêu, cuộc đời, văn hóa, tâm lí sống của con người vùng Kinh Bắc được khúc xạ vào thơ ông để chiêm nghiệm: “*Chị gọi đôi cây/(...) nghe con bài/(...) Em đi đêm/(...) chui sập ngira/(...) Em gọi đôi*” (Cây Tam cúc); “*nắng lượn còn mây lá hiện hình*” (Ước nguyện – Hoàng Cầm); “*Con rô rạch ngược nướng cong mùa thơ*” (Nhớ – Hoàng Cầm), “*Đi tìm đôi ếch công mưa rào/(...) Ổ sáo đen mái chèo khua vờ trúng*” (Quà mẹ – Hoàng Cầm). Đúng như nhận định về Hoàng Cầm: “Anh không chỉ thạo dùng chữ, nhất là sử dụng động từ. Cũng lạ ở con người mái tóc tro bụi này là việc mày mò ra cái lần sau chữ, tầng tầng lớp lớp chồng lên nhau, tạo nên bề dày chữ nghĩa...” [9]. Bằng cách lạ hóa ngôn từ, Hoàng Cầm đã xây dựng trong thơ mình một “trò chơi” trùng phức của chữ nghĩa, của biểu tượng thơ ca. Ông không hoàn toàn xây dựng những biểu tượng mang tính chất thời gian, không gian thuần túy mà nó có sự di động giữa không gian và thời gian, giữa vô thức và hữu thức tạo nên chiều sâu tâm tưởng, đa tầng nghĩa, giàu chất triết lí: “*Mẫu đơn một nhánh rơi/ Ngọc lan mười búp chấp/ Nền tắt sao không tắt/ Giải yếm lòng trai mãi phát cờ*” (Hội Long Khám – Hoàng Cầm), “*Qua núi Tam Tầng nghe tiếng hát/ cô gái điên/ ôm xác chồng/lội đồng chiêm*” (Gái hậu Lê – Hoàng Cầm).

Thơ Hoàng Cầm đã phản ánh đầy đủ, trung thực văn hóa, văn minh tinh thần của quê hương Kinh Bắc, không chỉ cổ xưa mà còn rất hiện đại. Ông là người kế tục ngôn ngữ Thơ Mới và đi xa hơn về phía hiện đại - một lối thơ siêu thực. Nghĩa là nhà thơ, bằng cách nhìn của mình gọi ra một thế giới huyền ảo, tượng trưng bằng cấu trúc đặc biệt của ngôn ngữ trong khuôn khổ bài thơ để người đọc tự cảm nhận, tự liên tưởng, suy ngẫm. Chính cách nhìn của nhà thơ đã làm cho hệ thống ngôn từ trong thơ ông trở nên năng

động với nhiều dáng vẻ. Ngôn ngữ trong thơ ông khi mang dáng vẻ rần rời của người chiến sĩ: “*Chúng ta cùng một mẹ hiền/ Lúa thom bầu sữa bông mềm áo to/ Chúng ta chung một mối thù/ Gươm tung uất hận đạn vù đặng cay*” (Đêm liên hoan – Hoàng Cầm); có khi lại mềm mại tha thướt của dải lụa đào nghệ sĩ: “*Em ơi thử đếm mấy giêng hai/ Đêm hội Lim về/ đê quai rào bước/ Đuối tà lụa nhạt/ ánh giăng đằm thắm đường sương*” (Theo đuối – Hoàng Cầm); khi lại tự hào, thành kính của niềm tin tôn giáo: “*Chùa Phật Tích ruối trong màn lụa bạch/ Tượng Quan Âm má đỏ bỏ quân/ Chuông chùa cời yếm/ Chuông sớm đội khăn/ Câu kinh tê mê mười ngón tay măng*” (Đêm Thủy – Hoàng Cầm); khi lại tình tứ, lẳng lơ đến không ngờ: “*Chân Em dài đi không biết mỏi/ Má hồng Em lại nổi/ đồng mùa nước lụt mông mênh/ Lưng thon thon cắm sào Em đợi/ Đào giếng sâu rồi/ đừng lấp vôi đầu xanh*” (Theo đuối – Hoàng Cầm); khi lại tức tưởi, ghen ngào: “*Trăng lên chém đầu ngọn gió/ cảnh si bung chầu máu chát chao*” (Đêm Hỏa – Hoàng Cầm), “*Oi đêm Đông Hồ/ Nát nhàu thân Tô nữ*” (Thi sợi bún – Hoàng Cầm)....

Con chữ trong sáng tác của ông, dù là những bình thường cũng trở nên có sức sống kỳ lạ, mang tâm tư, hồn vía của con người Kinh Bắc. Sự lạ hoá ngôn ngữ trong thơ Hoàng Cầm làm cho người đọc cảm thấy ngỡ ngàng, vừa quen mà vừa lạ. Ông tạo sự “lạ hoá” bằng cách đem những từ ngữ trong các trường nghĩa khác nhau đặt bên nhau, tạo xé nát cấu trúc hình tượng, rồi lắp ghép vào những chiều không gian khác nhau, để phá vỡ cách nhận thức bằng tư duy logic của người đọc, khiến bài thơ trở thành một rừng chữ nghĩa, biến hóa khôn lường tạo ra một trường liên tưởng thẩm mỹ khó thâm nhập: “*Em chờ nửa sang bờ duyên phận/ Tay đóng bè chân xuôi thác ghềnh/ Tuổi đã rách và gì cho kịp/ Da mở đông tuốt sọc ngang thân*” (Tắm đêm – Hoàng Cầm), “*Mùa chưa về/ .../ Hàng tre nhà yếm/ trả Mẹ về/ lều dột đón cơn mưa*” (Đợi mùa – Hoàng Cầm). Chữ nghĩa trước mắt, nhưng hầu như lại “nằm ngoài tầm kiểm soát” của tư duy, nằm ngoài cấu trúc và cách mã hóa ngôn ngữ đời thường. Tuy không phải là một “phu chữ” như Lê Đạt [2], nhưng Hoàng Cầm rất thành công trong lĩnh vực sáng tạo chữ nghĩa. Con chữ trong thơ ông từ những chữ bình thường trở nên có hình hài, dáng vóc và cả tâm tư, đầy sức sống. Bởi thế thơ Hoàng Cầm chứa đựng nhiều tầng, nhiều lớp ý nghĩa, mở ra vô vàn những suy tư qua các lớp nghĩa gợi mở đó, buộc người đọc phải bóc từng lớp, từng lớp nghĩa ẩn chứa bên trong lớp ngôn từ trong thế giới thơ Hoàng Cầm mới mong có được sự giải mã trọn vẹn.

Trong thơ Hoàng Cầm, âm thanh và chữ nghĩa, giai điệu cuộc sống và cảm hứng sáng tạo của nhà thơ có sự giao thoa, cộng hưởng đặc biệt, tạo nên những vần thơ đầy nhạc tính, cuốn hút người đọc. Lời thơ không chỉ đong đầy nhạc điệu mà còn tính biểu tượng cao: “*Đuối tà lụa nhạt/ Ánh trăng đằm thắm đằm đường sương*” (Theo đuối – Hoàng Cầm), “*Đằm ca dao sáo diều chiều tím lịm lưng trâu*” (Đêm Thổ – Hoàng Cầm). Nhà thơ đã thổi vào câu chữ nỗi niềm tâm trạng, tạo vần điệu, nhịp điệu, chất nhạc cho lời thơ, và từ đó mang đến cho người đọc một thế giới âm nhạc mơ màng, quyến rũ. Âm vận trong câu thơ, ý thơ cứ bám đuối nhau, tìm bắt lấy nhau kết hợp với nhạc điệu làm cho người đọc như đang đắm chìm vào thế giới mê ảo: “*Vì chẳng em cứ bơ vơ nhớ/ Nắng lượn còn mây/ Lá hiện hình/ Thì thương cuộc lá/ hồn Chiêu Thánh/ Mỡ giục chuông dòn/...lệ chếp kinh...*” (Ước nguyện – Hoàng Cầm). Sáng tác theo sự hứng khởi của mạch nguồn cảm xúc, Hoàng Cầm để mình trượt theo mạch cảm xúc, tạo nên dòng âm nhạc chảy mãi với

đu các cường độ dài ngắn, mạnh nhẹ, cao thấp, nhanh chậm tùy thuộc vào sự rung cảm của nhà thơ. Có lúc nó trầm lắng, uyển chuyển: “*Chị vỗ pha lê. Bùn vấy tay/ Hồn trong Em chuốc Chị chìm say/ Là Em cưới Chị xanh thêm thiếp/ Sinh một đàn con Mây trắng bay...*” (Chị em xanh – Hoàng Cầm); có lúc lại dồn dập: “*Quê hương ta từ ngày khủng khiếp/ Giặc kéo lên ngàn ngọn lửa hung tàn... Mẹ con đàn lợn âm dương/ Chia lià đôi ngã/ Đám cưới chuột đang tung bừng rộn rã/ Bây giờ tan tác về đâu*” (Bên kia sông Đuống – Hoàng Cầm), vừa bộc lộ được cái tôi trữ tình của nhà thơ, lại gọi cho người đọc nhiều cảm xúc và suy nghĩ.

Nhà thơ Hoàng Cầm đã rất điêu luyện, trau chuốt trong cách phối âm, hòa thanh, cấu trúc nhịp điệu ngôn ngữ trong thơ của mình. Tất cả hợp lại tạo nên sự cộng hưởng âm thanh, tạo nên câu thơ tràn đầy nhạc tính: “*Luôn tay ôm say giấc bay lay đỉnh núi*” (Thi đánh đu – Hoàng Cầm), “*Chiều lê thê sông Nhị giăng dài bãi mía bờ khoai đi*”, “*Cánh rừng rưng rưng say/ hồng hoa hương ám mây chân trời*” (Nắng phù sa – Hoàng Cầm). Để thấy thơ Hoàng Cầm dung chứa những âm vang của tiếng vọng của ngàn xưa, vừa quá đỗi gần gũi thân thương vừa xa vời cách trở... Chính điều này tạo nên dư ba, sức vọng trong hồn thơ Hoàng Cầm.

Bên cạnh cách gieo vần đầy sáng tạo, Hoàng Cầm đã tạo nhịp thơ bằng việc khai thác các yếu tố về thanh điệu tạo những giai âm nhẹ nhàng, sâu lắng miên man về từ sâu thẳm tâm hồn ông. Tiếng thơ nhẹ nhàng, trầm mặc như âm vang từ cõi mộng lung nào vọng lại thông qua việc sử dụng nhiều thanh bằng tạo độ âm vang, miên man từ cõi thơ đến cõi đời thực: “*Mà mê lộ mờ xanh/ Chuông lưng chừng tan nhanh/ Hoàng hôn mời anh ngồi/ Bẽ bàng chưa lên ngôi*” (Đường vào mê – Hoàng Cầm), “*Từ trinh trắng nào tròn trang quanh năm/ Sao hôm nay ai xui bơ vơ em về xa mê cầm*” (Tương biệt hành - Hoàng Cầm). Thơ Hoàng Cầm thuộc trường thơ âm vực thấp, giọng điệu trầm buồn, sâu lắng mang thiên tính nữ vĩnh hằng của văn hoá Việt. Có thể cảm nhận điều đó qua những dấu lặng, những khoảng lặng không lời, vô ngôn trong câu thơ: “*Đêm được nằm mẹ gói đầu tay/ Tiếng ai rả rích chuyện gì khuya/ chợt tỉnh/ (...) mắt dùi bóng tối/... À... ơi.../ Câu ru mẹ mới/ Có bàn tay vỗ tóc.../ (...) ngủ đi con*” (Đứa trẻ). Tính nhạc trong thơ Hoàng Cầm còn được thể hiện ở những vần thơ viết về văn hoá Quan họ. Lời hát của các làn điệu quan họ chứa đựng nhiều nhạc tính. Nhà thơ, trong thơ mình tuy không trực tiếp hoặc đi sâu miêu tả tiếng hát, nhưng đã nói được cái linh hồn của văn hoá Quan họ. Thử đem những hư từ như: *I a, í a, ó a, ơi, a, là...* vào những nhịp ngắt trong câu thơ Hoàng Cầm sẽ thấy rõ điều đó: “*Dường như cánh gió không bay (ó không bay)/ Lời ca không hát rạo đầy (là đây) không men/ Dường như nhớ lại (í a) không quen/ Một mình tôi (i) một mình em (a) lạ thường/ Dường như (là như) giăng chéo (í a) cuối tường/ Tiếng gà (í a) tiễn biệt đêm trường (ới a) lặng im*” (Một mình). Với giai điệu “*ừ hự*”, “*hừ la*” đầy ngẹn ngào, ần ức, thứ ngôn ngữ riêng biệt chỉ có trong lời ca, lời thơ Quan họ, thể hiện sự “*dùng dăng*”, “*tình tứ*” của người Quan họ. Đọc thơ Hoàng Cầm, đâu đâu ta cũng gặp cái thứ ngôn ngữ của nhạc tính Quan họ ấy: “*Bà mới nhai trầu bồm bồm/ ...Đã nghe tin cô ả chê chồng/ Ừ hự... từ đâu?*” (Tôi là người Quan họ), “*Từ thuở ấy/ Em cầm chiếc lá/ đi đầu non cuối bể/ Gió quê vi vút gọi/ Diêu bông hời.../ ...ới Diêu bông...*” (Lá Diêu bông – Hoàng Cầm).

Thơ hay bao giờ cũng là cuộc hôn phối kỳ diệu giữa âm thanh và ý nghĩa, hình tượng. Chữ và nghĩa trong ngôn ngữ thi ca Hoàng Cầm hoà quyện với nhau như hình với bóng, như xác với hồn nên việc tách rời chúng ra khỏi nhau sẽ làm tổn hại đến bình diện ngôn ngữ và tính thẩm mỹ của câu thơ. Hoàng Cầm đã rất thành công và tạo được dấu ấn riêng trong dòng thơ đương đại Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Tóm lại, thơ Hoàng Cầm với hệ thống ngôn ngữ mang màu sắc văn hoá, huyền thoại, và được sáng tạo “*lạ hóa*”. Sự thăng hoa của vô thức, tiềm thức thể hiện tâm trạng, cảm giác của nhà thơ đã để lại dấu ấn khó phai về một phong cách thơ tài hoa, độc đáo. Từ đó, chuyển tải những tín hiệu nghệ thuật riêng biệt, những giá trị văn hoá, phá vỡ cảm giác tiếp nhận thơ theo kiểu truyền thống, quen thuộc của độc giả, là suối nguồn nhạc điệu tuôn trào miên man, bất tận khiến cho thế giới thơ ấy trở thành một thế giới đầy nhạc điệu. Từ cách chọn thể loại, hiệp vần, cách phối âm, giai điệu... đến những dòng thơ đầy khoảng lặng, tất cả đều hướng đến tạo chất nhạc cho mỗi bài thơ. Nhạc thơ Hoàng Cầm là nhạc điệu toát ra từ sâu thẳm tâm hồn ông cộng hưởng, giao hoà với âm vang của cuộc đời mà lúc nào thi nhân cũng mở hồn đón đợi, lắng nghe và nắm bắt. Với ông, ngôn ngữ không chỉ tồn tại như một mã văn hoá, là phương tiện, hình thức để biểu đạt những giá trị, mà còn được sáng tạo mới lạ, độc đáo, chứa những trường liên tưởng bất ngờ, thú vị, vượt qua lớp ngữ nghĩa thông thường của câu chữ để biểu đạt một nhiều tầng lớp nghĩa mới.

* Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Mã số đề tài: T.20-NV.SV.01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lại Nguyên Ân (chủ biên) (2011). *Hoàng Cầm - Hồn thơ độc đáo*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.169.
- [2] Lại Nguyên Ân (chủ biên) (2011). *Hoàng Cầm - Hồn thơ độc đáo*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, tr.274.
- [3] Nguyễn Thị Minh Bắc (2007). *Thơ Hoàng Cầm với văn hóa Kinh Bắc*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
- [4] Berton Brecht, *Tuyên ngôn của chủ nghĩa siêu thực*, Nguồn: evan.com.vn.
- [5] Nguyễn Phan Cảnh (2001). *Ngôn ngữ Thơ*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
- [6] Hồ Thế Hà (2005). Nghĩ về tính triết lí trong thơ, *Tạp chí Nghiên cứu văn học*.
- [7] Hoàng Thị Huế (2013). *Biểu tượng giấc mơ trong thơ Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử* (In trong *Thơ mới và Tự Lực Văn Đoàn, 80 năm nhìn lại*, NXB Thế giới mới, TP HCM).
- [8] Hoàng Thị Huế (2014). *Thơ mới nhìn từ quan hệ văn hóa- văn học*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Xuân Lạc (Biên soạn) (2004). *Hoàng Cầm và giai điệu thơ Kinh Bắc*, NXB Trẻ, tr.38.
- [10] Hue Hoang Thi, Nguyen Nguyen Hoang (2020). Traditional Culture in Contemporary Vietnamese Poetry: A Perspective from Nie Zhenzhao's Ethical Literary Criticism, *International Journal Interdisciplinary Studies of Literature*, Vol.4, No.1, March 2020.

indexed by Arts and Humanities Citation Index, published by Knowledge Hub Publishing Company (Hong Kong).

- [11] Huỳnh Như Phương (2004). *Trường phái hình thức Nga*, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12] Chevelier Jean, Gheerbrant Alain (Phạm Vinh Cư chủ biên dịch) (1997). *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.

Title: CULTURAL IMPRINTS IN THE ART LANGUAGE OF THE HOANG CAM POET

Abstract: This study focuses on clarifying the cultural and artistic characteristics preserved in the language of Hoang Cam's poetry. By the method of researching and analyzing texts, the study clearly shows that language is the material and object of Hoang Cam's artistic creation. To him, language not only exists as a cultural code, a means and a form to express values, but also a new and unique creation, containing unexpected and interesting associations. transcends the ordinary semantic layer of words to express a new level of meaning.

Keywords: Language, culture, myth, Hoang Cam's poetry.